

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DSST - HNGĐ.

Ngày: 15 - 6 - 2018.

V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Thiên Lương

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình: Ông Phan Quang Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST - HNGĐ ngày 02/3/2018 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐST- DS ngày 8/5/2018. Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐHPT – DSST ngày 22/5/2018. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm: 1976

Nơi ĐKNKTT: Thôn Q, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Bình. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Phạm Tiến D, sinh năm: 1976

Nơi ĐKNKTT: Thôn Q, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Xuân L – Chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Quảng Bình (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/02/2018 và bản tự khai ngày 02/4/2018 chị Mai Thị T trình bày: Tôi (Mai Thị T) và anh Phạm Tiến D tìm hiểu để đi đến kết hôn với nhau do hai bên hoàn toàn tự nguyện không có ai ép buộc, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/5/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung cùng gia đình bên nội tại thôn Q, xã L,

huyện H, tỉnh Quảng Bình được 10 ngày thì vợ chồng làm nhà ở riêng cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn: Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính, thường xuyên cãi vã lẫn nhau mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên răn, nhắc nhở nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Tháng 6/2015 chị T bỏ về nhà ngoại sống tại thôn Q, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Bình vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên chị Mai Thị T làm đơn xin ly hôn anh Phạm Tiến D.

Về con chung của vợ chồng: Chị Mai Thị T khai vợ chồng có hai đứa con chung:

1. Phạm Thị Thúy N, sinh ngày 10/10/1997 hiện đang là sinh viên trường Đại học sư phạm Huế.

2. Phạm Trung Đ, sinh ngày 09/4/2000. Hiện đang học lớp 12 trường trung học phổ thông huyện H, tỉnh Quảng Bình.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Mai Thị T khai vợ chồng có một ngôi nhà gỗ ba gian kèm 100m² đất ở (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và một số đồ dùng chung của vợ chồng chị T xin để lại cho con trai là Phạm Trung Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Mai Thị T khai vợ chồng có vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Quảng Bình theo chính sách cho vay hộ cận nghèo để chăn nuôi trâu sinh sản. Thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 26/11/2018. Lãi hàng tháng chị T đã trả hết còn số tiền gốc chưa trả. Số tiền gốc này sau khi ly hôn chị T yêu cầu chia đôi để mỗi người trả một nửa.

Án phí chị Mai Thị T đã nộp số tiền 300.000đ nay xin chịu toàn bộ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Thái Xuân L – Phó giám đốc NHCSXH huyện H, tỉnh Quảng Bình được giám đốc ủy quyền trình bày: Ngày 26/11/2015 Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Quảng Bình giải ngân cho bà Mai Thị T (người thừa kế là ông Phạm Tiến D) có địa chỉ: thôn Q, xã L, huyện H, tỉnh Quảng Bình vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) thuộc chương trình cho vay hộ cận nghèo theo hợp đồng tín dụng số 6600000706031628 thực hiện phương án: Chăn nuôi trâu sinh sản. Thời gian vay: 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 26/11/2018. Tính đến thời điểm xét xử (15/6/2018) bà Mai Thị T đã trả hết số tiền lãi hàng tháng theo hợp đồng, hộ gia đình chỉ còn nợ lại số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nay vợ chồng ly hôn Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Quảng Bình yêu cầu chia đôi số tiền gốc để mỗi người phải trả một nửa là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng)

Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã thụ lý vụ án theo yêu cầu của chị Mai Thị T và triệu tập hai bên đương sự đến tại trụ sở Tòa án huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình để giải quyết nhiều lần, nhưng việc triệu tập và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị Mai Thị T còn anh Phạm Tiến D vắng mặt

không rõ lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hiện chị Mai Thị T ốm không thể tham gia phiên tòa được chị T có làm đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Mai Thị T xin ly hôn anh Phạm Tiến D quá trình giải quyết chị Mai Thị T có mặt còn anh Phạm Tiến D vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Tòa án đã phối hợp với UBND xã Lê Hóa xác minh tại địa phương thì anh Phạm Tiến D có hộ khẩu thường trú tại xã Lê Hóa hiện đang do công an xã Lê Hóa quản lý, hiện nay anh D không có mặt tại địa phương đi đâu không rõ. Tiến hành xác minh tại nhà ông Phạm Xuân H là bố của anh Phạm Tiến D trú tại thôn Q, xã L thì ông H cung cấp thông tin hiện anh Phạm Tiến D đã đi làm ăn ở các tỉnh phía Nam, thỉnh thoảng có liên lạc về với gia đình, nhưng không cho biết địa chỉ nơi tạm trú và nơi sinh sống làm ăn của anh D cho gia đình và chị T biết. Vừa qua gia đình có nhận được các loại giấy triệu tập của Tòa án huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình (trong đó có 01 giấy thông báo thụ lý vụ án, 01 giấy triệu tập và 01 giấy thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải) đối với anh Phạm Tiến D. Do gia đình không có điện thoại và địa chỉ của anh D nên gia đình đã báo cho con anh D biết việc chị T xin ly hôn và thời gian triệu tập anh D về để giải quyết nhưng không thấy anh D về và cũng không thấy liên lạc cho gia đình biết địa chỉ. Chứng tỏ anh Phạm Tiến D cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ của mình. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì lý do anh D không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh D tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 còn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bản thân đau ốm. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của chị Mai Thị T và việc xét xử vắng mặt lần thứ 2 đối với anh Phạm Tiến D là đúng với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D tìm hiểu để đi đến kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, nhưng do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau, bất bình trong cuộc sống mà hai bên không giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D thực sự không còn nữa, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Mai Thị T xin được ly hôn anh Phạm Tiến D là có căn cứ phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xét xử Mai Thị T được ly hôn anh Phạm Tiến D.

[3] Về con chung của vợ chồng: Theo chị Mai Thị T vợ chồng có hai đứa con chung là: Phạm Thị Thúy N, sinh ngày 10/10/1997 và Phạm Trung Đ, sinh ngày 09/4/2000. Hiện nay các con đã khôn lớn, trưởng thành nên không bên nào phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con hàng tháng nhưng hai bên phải có nghĩa vụ chung trong việc định hướng tương lai nghề nghiệp và cuộc sống của các con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Mai Thị T không yêu cầu phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ chung của vợ chồng: Chị Mai Thị T khai có vay vốn tại Ngân hàng CSXH huyện H, tỉnh Quảng Bình số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để chăn nuôi trâu sinh sản theo chương trình cho vay hộ cận nghèo, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 13/11/2018 tiền lãi hàng tháng chị T đã trả hết. Phía NHCSXH huyện H, tỉnh Quảng Bình cũng cung cấp sổ vay vốn và các loại giấy tờ có liên quan đến việc vay vốn của chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D, trong hợp đồng có chữ ký của chị Mai Thị T và người thừa kế là anh Phạm Tiến D. Do đó sau khi ly hôn chị T và anh D phải có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết theo sổ vay vốn được thiết lập giữa Ngân hàng chính sách xã hội huyện H với vợ chồng chị T, anh D. Theo bảng kê của Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền dư nợ của hộ vay chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D đến ngày 15/6/2018 (ngày xét xử) số tiền gốc: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) dư lãi không. Chị Mai Thị T yêu cầu số tiền vay còn dư nợ tiền gốc này phải chia đôi mỗi người một nửa. Phía Ngân hàng chính sách xã hội huyện H cũng đề nghị Tòa án chia đôi số tiền vay (tiền gốc) mỗi người phải trả một nửa là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh. Hội đồng xét xử thấy việc yêu cầu của chị Mai Thị T và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện H là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần áp dụng các Điều 17, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình và các Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 để chia đôi số tiền vay (tiền gốc) này mỗi người phải có trách nhiệm và nghĩa vụ trả mỗi người một nửa, còn tiền lãi hàng tháng chị T đã trả hết và không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Như vậy số tiền vay được chia theo phần. Chị Mai Thị T phải trả số tiền gốc là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) cho NHCSXH huyện H và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn.

Anh Phạm Tiến D phải trả số tiền gốc là: 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) cho NHCSXH huyện H và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật nay chịu toàn bộ.

[6] Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu tại phiên tòa đối với Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng và đủ thành phần theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết chị Mai Thị T đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án còn

anh Phạm Tiến D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Lê Hóa và thu thập đầy đủ chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh D vắng mặt lần thứ 2 vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D. Về tình cảm vợ chồng đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử chị Mai Thị T được ly hôn anh Phạm Tiến D. Về con chung hiện hai con của vợ chồng đã khôn lớn, trưởng thành nên không xem xét đến trách nhiệm và nghĩa vụ nuôi dưỡng mà vợ chồng phải có trách nhiệm và nghĩa vụ chung. Tài sản chung chị T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Công nợ vợ chồng có vay vốn tại NHCSXH huyện H số tiền gốc 50.000.000đ thời hạn trả nợ đến 13/11/2018 khoản tiền vay này đề nghị áp dụng các Điều 17, Điều 59 luật hôn nhân và gia đình, các Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự để chia đôi số tiền vay mỗi người phải trả một nửa là 25.000.000đ cộng với lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn. Án phí dân sự sơ thẩm chị Mai Thị T đã nộp số tiền 300.000đ tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa nay phải chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Mai Thị T đối với anh Phạm Tiến D.

Áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D.

1. Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử: Chị Mai Thị T được ly hôn anh Phạm Tiến D.

2. Về con chung của vợ chồng: Vợ chồng có hai đứa con chung là: Phạm Thị Thúy N, sinh ngày 10/12/1997 và Phạm Trung Đ, sinh ngày 09/4/2000. Hiện các con đã khôn lớn, trưởng thành nên hai bên phải có trách nhiệm và nghĩa vụ chung đối với các con.

3. Về tài sản chung: Chị Mai Thị T không có yêu cầu phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Áp dụng các Điều 17, Điều 59 luật hôn nhân và gia đình, các Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc: Chị Mai Thị T phải trả toàn bộ số tiền vay (tiền gốc) là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Quảng Bình.

Anh Phạm Tiến D phải trả toàn bộ số tiền vay (tiền gốc) là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Quảng Bình.

Kể từ ngày tiếp, sau ngày xét xử sơ thẩm (16/6/2018) chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D phải thanh toán các khoản lãi theo thỏa thuận trong sổ hợp đồng tín dụng số: 6600000706031628 ngày 26/11/2015 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí ly hôn: Chị Mai Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền mà chị Mai Thị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0003607 ngày 02/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Như vậy chị Mai Thị T đã nộp đủ khoản án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D, có mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố bên có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm (15/6/2018) bên vắng mặt chị Mai Thị T và anh Phạm Tiến D trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Lê Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Lê Hóa;
- Lưu Hồ sơ - Án văn.

Đã Ký

Trần Thanh Dân